

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng tốt nghiệp trình độ đại học
(Đợt 2 tháng 7 năm 2026)**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

Căn cứ Quyết định số 5886/QĐ-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lâm nghiệp;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hình thức chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 2268/NQ-HĐT ngày 27/12/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Lâm nghiệp về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Lâm nghiệp; Nghị quyết số 1341/NQ-ĐHLN-HĐT ngày 29/9/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Lâm nghiệp về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 76/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 12/3/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 595/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 05/5/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 102/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 23/01/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc ban hành Quy định chuẩn đầu ra và tổ chức đánh giá chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Tin học đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 757/QĐ-ĐHLN ngày 02/6/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc ban hành bảng tham chiếu quy đổi tương đương các chứng chỉ ngoại ngữ;

Căn cứ Quyết định số 84/QĐ-ĐHLN ngày 10/01/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc ban hành Quy định quản lý văn bằng, chứng chỉ tại Trường Đại học Lâm nghiệp;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp trình độ đại học ngày 29/7/2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng tốt nghiệp trình độ đại học cho **464** sinh viên hình thức đào tạo chính quy và **51** sinh viên hình thức đào tạo vừa làm vừa học đã hoàn thành chương trình đào tạo, đáp ứng chuẩn đầu ra và đủ điều kiện được công nhận tốt nghiệp theo quy định (*danh sách kèm theo*).

Điều 2. Sinh viên có tên tại Điều 1 được cấp văn bằng tốt nghiệp trình độ đại học và hưởng các quyền theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường có liên quan và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- PHTr. Phạm Minh Toại;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Anh Huy

PHỤ LỤC I

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP VĂN BẰNG TỐT NGHIỆP TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC,
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHÍNH QUY (ĐỢT 2 THÁNG 7 NĂM 2026)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLN ngày 29 tháng 7 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Khối kiến thức ngành				Khối kiến thức CDR		Hạng tốt nghiệp	Văn bằng TN	Ghi chú
						Số TCTL	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	Điểm XLTN	Tin học	Tiếng Anh			
A	Cơ sở chính: 270 Sv													
I	Ngành Bất động sản: 03 Sv													
1	1954080639	Tào Me Hiệu	03/01/2001	Nữ	K64_BDS	122	7,72	3,26	3,26	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
2	1953151166	Đỗ Phương Thảo	08/11/2001	Nữ	K64_BDS	122	7,98	3,42	3,42	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
3	2273401160322	Vũ Thị Mỹ Duyên	22/02/2004	Nữ	K67A-BDS	126	8,38	3,63	3,63	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Cử nhân	
II	Ngành Công nghệ chế biến lâm sản: 08 Sv													
1	2041010328	Nguyễn Công Đạt	08/03/2002	Nam	K65_CBLS	152	7,63	3,17	3,17	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
2	2041010195	Nguyễn Thị Hiền	02/01/2002	Nữ	K65_CBLS	152	7,56	3,12	3,12	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
3	2041010184	Lê Trọng Nhiệm	07/08/2002	Nam	K65_CBLS	152	6,67	2,51	2,51	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
4	2041010383	Nguyễn Văn Thao	09/12/2002	Nam	K65_CBLS	152	7,93	3,39	3,39	Đạt	Đạt	Giỏi	Kỹ sư	
5	2041010389	Nguyễn Thị Thắm	08/06/2002	Nữ	K65_CBLS	152	7,94	3,44	3,44	Đạt	Đạt	Giỏi	Kỹ sư	
6	2041010332	Vương Quốc Tuấn	19/03/2002	Nam	K65_CBLS	152	7,39	3,05	3,05	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
7	2175490010735	Nguyễn Cao Phú	02/10/2003	Nam	K66A_CBLS	152	7,19	2,9	2,9	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
8	2175490010063	Lương Trọng Vũ	01/08/2003	Nam	K66A_CBLS	152	7,52	3,16	3,16	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Khối kiến thức ngành				Khối kiến thức CDR		Hạng tốt nghiệp	Văn bằng TN	Ghi chú
						Số TCTL	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	Điểm XLTN	Tin học	Tiếng Anh			
III	Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử: 03 Sv													
1	2251080108	Vũ Hoàng Anh	27/10/2003	Nam	K66A_CNCĐT	151	6,6	2,55	2,55	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
2	2175102030225	Nguyễn Gia Bảo	29/10/2003	Nam	K66A_CNCĐT	151	6,86	2,7	2,7	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
3	2251080102	Kiều Hiền Vinh	19/10/2002	Nam	K66A_CNCĐT	151	8,37	3,52	3,52	Đạt	Đạt	Giỏi	Kỹ sư	
IV	Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô: 06 Sv													
1	1851110491	Nguyễn Ngọc Long	25/02/2000	Nam	K63_CTO	141	7,5	3,12	3,12	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
2	2175102050325	Phạm Như Chiến	24/08/2003	Nam	K66A_CNOT	150	6,95	2,76	2,76	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
3	2175102050639	Đặng Quốc Huy	30/10/2003	Nam	K66A_CNOT	150	7,06	2,83	2,83	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
4	2175102050925	Nguyễn Quốc Khánh	05/08/2003	Nam	K66A_CNOT	150	7,78	3,24	3,24	Đạt	Đạt	Giỏi	Kỹ sư	
5	2175102051069	Hoàng Tiến Mạnh	07/05/2003	Nam	K66A_CNOT	150	7,71	3,2	3,2	Đạt	Đạt	Giỏi	Kỹ sư	
6	2175102050261	Trương Lê Quân	05/10/2003	Nam	K66A_CNOT	150	7,17	2,87	2,87	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
V	Ngành Công nghệ sinh học: 11 Sv													
1	2043070014	Phạm Văn Lâm	19/07/2000	Nam	K65_CNSH	134	7,36	3,03	3,03	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
2	2274202010122	Vũ Phương Anh	10/04/2003	Nữ	K67A-CNSH	132	7,73	3,23	3,23	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
3	2274202010257	Giàng Lao Di	10/10/2004	Nam	K67A-CNSH	132	7,39	2,90	2,90	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
4	2274801040602	Đàm Văn Đạt	26/06/2004	Nam	K67A-CNSH	132	7,16	2,82	2,82	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
5	2274202010226	Bế Thị Ngọc Mơ	17/01/2004	Nữ	K67A-CNSH	132	7,53	3,07	3,07	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
6	2274202010225	Tần Lòng Mây	04/01/2004	Nữ	K67A-CNSH	132	7,80	3,27	3,27	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
7	2274202010649	Vũ Cao Tuyết Ngân	06/06/2004	Nữ	K67A-CNSH	132	7,51	3,10	3,10	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Khối kiến thức ngành				Khối kiến thức CDR		Hạng tốt nghiệp	Văn bằng TN	Ghi chú
						Số TCTL	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	Điểm XLTN	Tin học	Tiếng Anh			
8	2274202010277	Vũ Thị Ánh Nhung	25/07/2004	Nữ	K67A-CNSH	132	7,61	3,12	3,12	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
9	2273403010823	Nguyễn Thị Thanh	13/12/2001	Nữ	K67A-CNSH	132	7,48	3,05	3,05	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
10	2274202010371	Lương Phương Thảo	29/02/2004	Nữ	K67A-CNSH	132	7,83	3,29	3,29	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
11	2274202010133	Lương Thị Thanh Thư	28/08/2004	Nữ	K67A-CNSH	132	7,71	3,14	3,14	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
VI	Ngành Công tác xã hội: 04 Sv													
1	2044060515	Cao Thị Chi	09/08/2002	Nữ	K65_CTXH	128	7,92	3,39	3,39	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
2	2044060232	Vàng A Chả	07/09/2002	Nam	K65_CTXH	130	7,17	2,88	2,88	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
3	2173401011082	Lý Thị Tuyết	03/10/2003	Nữ	K66A_CTXH	128	8,5	3,72	3,72	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Cử nhân	
4	2277601010886	Chang Chùy Mé	09/03/2004	Nữ	K67A-CTXH	130	8,48	3,68	3,68	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Cử nhân	
VII	Ngành Hệ thống thông tin: 22 Sv													
1	1851070612	Nguyễn Xuân Hưng	20/04/1997	Nam	K63_HTTT	135	6,62	2,53	2,53	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
2	2174801040631	Ngô Thành Đạt	20/04/2003	Nam	K66A_HTTT	131	6,72	2,58	2,58	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
3	2174801040909	Phạm Minh Đức	29/01/2003	Nam	K66A_HTTT	129	7,04	2,81	2,81	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
4	2174801040875	Đoàn Quang Khải	23/04/2003	Nam	K66A_HTTT	131	6,27	2,26	2,26	Đạt	Đạt	Trung bình	Cử nhân	
5	2174801040644	Lưu Trường Nam	08/10/2003	Nam	K66A_HTTT	129	7,09	2,79	2,79	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
6	2174801041107	Phạm Văn Trung	30/06/2003	Nam	K66A_HTTT	129	7,03	2,81	2,81	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
7	2174801040688	Nguyễn Mạnh Cường	05/12/2003	Nam	K66B_HTTT	131	7,12	2,82	2,82	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
8	2174801040696	Nguyễn Xuân Anh Dũng	13/05/2003	Nam	K66B_HTTT	131	6,66	2,55	2,55	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Khối kiến thức ngành				Khối kiến thức CDR		Hạng tốt nghiệp	Văn bằng TN	Ghi chú
						Số TCTL	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	Điểm XLTN	Tin học	Tiếng Anh			
9	2174801040147	Đinh Duy Kỳ	18/07/2003	Nam	K66B_HTTT	127	6,52	2,47	2,47	Đạt	Đạt	Trung bình	Cử nhân	
10	2174801040083	Nguyễn Kim Tấn	27/05/2003	Nam	K66B_HTTT	127	6,59	2,49	2,49	Đạt	Đạt	Trung bình	Cử nhân	
11	2274801040492	Nguyễn Hữu Việt Anh	28/01/2004	Nam	K67A-HTTT	125	7,15	2,94	2,94	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
12	2274801040964	Nguyễn Văn Chiến	04/02/2004	Nam	K67A-HTTT	125	7,21	2,95	2,95	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
13	2275802010561	Lê Tùng Dương	11/11/2004	Nam	K67A-HTTT	127	7,10	2,89	2,89	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
14	2274801040246	Trịnh Văn Đôn	16/12/2004	Nam	K67A-HTTT	129	6,88	2,66	2,66	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
15	2275102050662	Nguyễn Việt Hoàng	13/05/2004	Nam	K67A-HTTT	127	7,05	2,83	2,83	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
16	2274801040668	Cà Hoàng Huy	18/01/2004	Nam	K67A-HTTT	129	7,02	2,78	2,78	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
17	2274801040879	Đinh Diệu Hương	08/08/2004	Nữ	K67A-HTTT	125	8,31	3,54	3,54	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
18	2274801040794	Lại Văn Minh	14/06/2004	Nam	K67A-HTTT	127	6,76	2,66	2,66	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
19	2274801040909	Nguyễn Hồng Sơn	26/09/2004	Nam	K67A-HTTT	127	7,72	3,27	3,27	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
20	2274801040650	Đỗ Hữu Thành	09/10/2003	Nam	K67A-HTTT	127	7,18	2,87	2,87	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
21	2274801040618	Bùi Huyền Trang	05/11/2004	Nữ	K67A-HTTT	125	6,90	2,69	2,69	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
22	2276401010665	Vàng Thị Vân	03/02/2004	Nữ	K67A-HTTT	129	7,67	3,21	3,21	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
VIII	Ngành Kế toán: 92 Sv													
1	1854041568	Vương Thị Linh	21/11/2000	Nữ	K63A_Kế toán	138	6,84	2,65	2,65	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
2	2044010197	Trịnh Thành Công	07/11/2002	Nam	K65_Kế toán	145	7,08	2,86	2,86	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
3	2173403011091	Nguyễn Thị Mai	02/08/2003	Nữ	K66B_Kế toán	130	7,57	3,14	3,14	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Khối kiến thức ngành				Khối kiến thức CDR		Hạng tốt nghiệp	Văn bằng TN	Ghi chú
						Số TCTL	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	Điểm XLTN	Tin học	Tiếng Anh			
4	2173403010915	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	28/11/2003	Nữ	K66B_Kế toán	132	6,89	2,69	2,69	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
5	2173403010588	Phạm Thị Thanh Tâm	17/07/2003	Nữ	K66B_Kế toán	130	7,11	2,87	2,87	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
6	2173403010700	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	10/05/2003	Nữ	K66C_Kế toán	131	7,58	3,13	3,13	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
7	2273403010700	Mai Lan Anh	01/09/2004	Nữ	K67A-Kế toán	135	7,27	2,93	2,93	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
8	2273403010742	Nguyễn Phương Anh	30/08/2004	Nữ	K67A-Kế toán	135	6,70	2,58	2,58	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
9	2273403010432	Nguyễn Thị Lan Anh	20/07/2004	Nữ	K67A-Kế toán	133	7,03	2,76	2,76	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
10	2273403010968	Doãn Thị Lan Chinh	26/01/2004	Nữ	K67A-Kế toán	131	7,49	3,05	3,05	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
11	2273403010435	Nguyễn Thị Dung	11/09/2004	Nữ	K67A-Kế toán	133	8,73	3,81	3,81	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Cử nhân	
12	2273403010713	Nguyễn Hà Duyên	16/07/2004	Nữ	K67A-Kế toán	130	7,61	3,12	3,12	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
13	2273403010915	Mai Hương Giang	28/09/2004	Nữ	K67A-Kế toán	130	8,51	3,72	3,72	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Cử nhân	
14	2273403010397	Nguyễn Thị Giang	15/02/2004	Nữ	K67A-Kế toán	130	8,31	3,51	3,51	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
15	2273403010779	Nguyễn Thị Hồng Hải	03/06/2004	Nữ	K67A-Kế toán	130	7,99	3,45	3,45	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
16	2273403010677	Phạm Thu Hiền	05/03/2004	Nữ	K67A-Kế toán	136	7,61	3,13	3,13	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
17	2273403010769	Nguyễn Mỹ Hạnh	18/05/2004	Nữ	K67A-Kế toán	130	8,39	3,61	3,61	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Cử nhân	
18	2273403010343	Nguyễn Thị Hoa	22/11/2004	Nữ	K67A-Kế toán	133	7,88	3,36	3,36	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
19	2273403010534	Nguyễn Thái Minh Huyền	17/12/2004	Nữ	K67A-Kế toán	132	8,32	3,54	3,54	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
20	2275801080839	Phạm Thị Thu Hường	18/05/2004	Nữ	K67A-Kế toán	130	7,57	3,11	3,11	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Khối kiến thức ngành				Khối kiến thức CDR		Hạng tốt nghiệp	Văn bằng TN	Ghi chú
						Số TCTL	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	Điểm XLTN	Tin học	Tiếng Anh			
21	2273403010774	Nguyễn Thị Hường	24/11/2004	Nữ	K67A-Kế toán	135	8,43	3,69	3,69	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Cử nhân	
22	2273403010853	Trần Thu Hương	06/06/2004	Nữ	K67A-Kế toán	135	7,16	2,82	2,82	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
23	2274801040852	Dương Thị Lan	19/06/2004	Nữ	K67A-Kế toán	130	8,03	3,37	3,37	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
24	2273403010792	Nguyễn Phương Lan	10/11/2004	Nữ	K67A-Kế toán	135	8,22	3,46	3,46	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
25	2273403010310	Quỳnh Thị Bích Liên	15/12/2004	Nữ	K67A-Kế toán	131	7,44	3,02	3,02	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
26	2273403010392	Hà Thị Linh	21/01/2004	Nữ	K67A-Kế toán	130	7,28	2,95	2,95	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
27	2273403010522	Nguyễn Diệu Linh	27/01/2004	Nữ	K67A-Kế toán	133	7,28	2,86	2,86	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
28	2273403010217	Nguyễn Phương Linh	18/03/2004	Nữ	K67A-Kế toán	132	6,66	2,55	2,55	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
29	2273403010328	Nguyễn Thị Khánh Linh	13/08/2003	Nữ	K67A-Kế toán	135	8,56	3,73	3,73	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Cử nhân	
30	2273403010856	Phan Thùy Linh	22/02/2004	Nữ	K67A-Kế toán	132	7,68	3,15	3,15	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
31	2273403010437	Phạm Thị Thanh Loan	22/10/2004	Nữ	K67A-Kế toán	130	8,65	3,73	3,73	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Cử nhân	
32	2273403010554	Phạm Thị Luyến	10/10/2004	Nữ	K67A-Kế toán	135	7,04	2,82	2,82	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
33	2273403010857	Nguyễn Thị Hà Mai	25/06/2004	Nữ	K67A-Kế toán	133	7,80	3,29	3,29	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
34	2273403010729	Nguyễn Thị Trà My	22/12/2004	Nữ	K67A-Kế toán	130	7,15	2,83	2,83	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
35	2273403010582	Nguyễn Hà Na	20/04/2004	Nữ	K67A-Kế toán	135	7,79	3,23	3,23	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
36	2273403010412	Vũ Bảo Ngân	08/10/2004	Nữ	K67A-Kế toán	130	7,84	3,35	3,35	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
37	2273403010139	Nguyễn Thị Cẩm Nguyên	07/01/2004	Nữ	K67A-Kế toán	133	7,51	3,09	3,09	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
38	2273401010695	Nguyễn Thị Nhung	29/09/2004	Nữ	K67A-Kế toán	133	7,48	3,04	3,04	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Khối kiến thức ngành				Khối kiến thức CDR		Hạng tốt nghiệp	Văn bằng TN	Ghi chú
						Số TCTL	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	Điểm XLTN	Tin học	Tiếng Anh			
39	2273403010562	Nguyễn Tuyết Nhung	04/03/2004	Nữ	K67A-Kế toán	132	7,63	3,19	3,19	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
40	2273403010320	Cà Kim Oanh	09/03/2004	Nữ	K67A-Kế toán	132	7,87	3,34	3,34	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
41	2273403010078	Bùi Thị Phụng	31/03/2002	Nữ	K67A-Kế toán	135	7,33	2,99	2,99	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
42	2273403010341	Nguyễn Như Quỳnh	11/09/2004	Nữ	K67A-Kế toán	130	7,90	3,31	3,31	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
43	2273403010524	Nguyễn Thị Thanh	16/03/2004	Nữ	K67A-Kế toán	136	7,27	2,93	2,93	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
44	2273403010215	Cao Thị Thảo	24/12/2004	Nữ	K67A-Kế toán	132	8,69	3,77	3,77	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Cử nhân	
45	2273403010501	Phí Thị Thanh Thảo	19/12/2004	Nữ	K67A-Kế toán	132	8,17	3,50	3,50	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
46	2273403010898	Trịnh Thị Thảo	30/08/2004	Nữ	K67A-Kế toán	135	8,07	3,47	3,47	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
47	2273403010193	Nguyễn Thị Thơm	13/01/2004	Nữ	K67A-Kế toán	132	8,05	3,47	3,47	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
48	2273403010578	Trần Thị Trang	16/04/2004	Nữ	K67A-Kế toán	135	8,13	3,45	3,45	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
49	2273403010904	Trần Thị Thanh Trúc	14/07/2004	Nữ	K67A-Kế toán	130	9	3,90	3,90	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Cử nhân	
50	2273403010592	Phạm Thị Huyền Tú	08/10/2004	Nữ	K67A-Kế toán	135	8,24	3,52	3,52	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
51	2273403010660	Nguyễn Thị Uyên	13/07/2004	Nữ	K67A-Kế toán	130	6,97	2,72	2,72	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
52	2273403010514	Phan Thị Kim Anh	13/11/2004	Nữ	K67B-Kế toán	131	7,18	2,90	2,90	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
53	2273403010228	Hoàng Thị Chi	22/08/2004	Nữ	K67B-Kế toán	133	6,92	2,74	2,74	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
54	2273101010877	Nguyễn Thị Khánh Chi	01/11/2004	Nữ	K67B-Kế toán	135	8,07	3,40	3,40	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
55	2273403010382	Nguyễn Thị Thùy Dung	21/05/2004	Nữ	K67B-Kế toán	132	8,32	3,62	3,62	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Cử nhân	
56	2273403010906	Nguyễn Thu Hà	10/10/2004	Nữ	K67B-Kế toán	133	7,54	3,09	3,09	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Khối kiến thức ngành				Khối kiến thức CDR		Hạng tốt nghiệp	Văn bằng TN	Ghi chú
						Số TCTL	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	Điểm XLTN	Tin học	Tiếng Anh			
57	2273403010440	Bùi Bạch Thu Hiền	04/11/2004	Nữ	K67B-Kế toán	132	7,49	3,09	3,09	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
58	2273403010607	Nguyễn Thị Hào	25/04/2004	Nữ	K67B-Kế toán	130	8,32	3,62	3,62	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Cử nhân	
59	2273403010882	Nguyễn Thị Mỹ Hào	12/09/2004	Nữ	K67B-Kế toán	130	7,92	3,33	3,33	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
60	2273403010229	Nguyễn Thị Huệ	17/09/2004	Nữ	K67B-Kế toán	133	7,81	3,29	3,29	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
61	2273403010366	Lê Thị Hậu	19/10/2004	Nữ	K67B-Kế toán	130	7,64	3,18	3,18	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
62	2273403010961	Bạch Thị Thu Huyền	19/11/2004	Nữ	K67B-Kế toán	135	7,62	3,14	3,14	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
63	2273403010851	Phùng Thị Huyền	30/11/2004	Nữ	K67B-Kế toán	135	8,19	3,54	3,54	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
64	2273401010719	Trần Thị Hương	17/07/2004	Nữ	K67B-Kế toán	130	8,35	3,60	3,60	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Cử nhân	
65	2273403010570	Đỗ Thị Lan	04/02/2004	Nữ	K67B-Kế toán	130	7,28	2,93	2,93	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
66	2273403010471	Bùi Thị Ngọc Liêu	07/10/2004	Nữ	K67B-Kế toán	130	7,39	3,04	3,04	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
67	2273403010321	Nguyễn Thị Linh	12/07/2004	Nữ	K67B-Kế toán	135	7,01	2,76	2,76	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
68	2273403010883	Phan Ngọc Linh	15/06/2004	Nữ	K67B-Kế toán	130	7,18	2,88	2,88	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
69	2273403010783	Đỗ Thanh Loan	08/01/2004	Nữ	K67B-Kế toán	130	8,27	3,54	3,54	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
70	2273403010121	Phan Lê Mai Loan	13/11/2004	Nữ	K67B-Kế toán	130	7,17	2,87	2,87	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
71	2273403010356	Trần Thanh Mai	19/07/2004	Nữ	K67B-Kế toán	130	7,42	3,05	3,05	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
72	2274801040749	Bùi Trà My	19/08/2003	Nữ	K67B-Kế toán	130	7,45	3,07	3,07	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
73	2273403010261	Trịnh Hải My	06/07/2004	Nữ	K67B-Kế toán	133	7,33	2,98	2,98	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
74	2273403010147	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	27/10/2004	Nữ	K67B-Kế toán	132	7,79	3,29	3,29	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Khối kiến thức ngành				Khối kiến thức CDR		Hạng tốt nghiệp	Văn bằng TN	Ghi chú
						Số TCTL	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	Điểm XLTN	Tin học	Tiếng Anh			
75	2273403010504	Nguyễn Thị Thúy Ngân	16/10/2003	Nữ	K67B-Kế toán	132	8,75	3,84	3,84	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Cử nhân	
76	2273403010880	Vũ Hồng Nhung	12/07/2003	Nữ	K67B-Kế toán	135	7,33	2,96	2,96	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
77	2273403010442	Nguyễn Thị Hồng Nhung	05/03/2004	Nữ	K67B-Kế toán	130	7,70	3,22	3,22	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
78	2273403010600	Hứa Thị Phụng	23/01/2004	Nữ	K67B-Kế toán	135	7,88	3,34	3,34	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
79	2273403010586	Vũ Thị Bích Phụng	28/06/2004	Nữ	K67B-Kế toán	130	8,01	3,37	3,37	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
80	2273403010415	Vũ Thị Phương	01/08/2004	Nữ	K67B-Kế toán	135	7,35	3,00	3,00	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
81	2273403010544	Bùi Thị Thanh Tâm	16/10/2004	Nữ	K67B-Kế toán	132	7,53	3,09	3,09	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
82	2275801080526	Phùng Thị Phương Thanh	02/07/2004	Nữ	K67B-Kế toán	135	7,99	3,44	3,44	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
83	2273403010353	Trương Thị Thanh Thảo	04/07/2004	Nữ	K67B-Kế toán	130	8,28	3,60	3,60	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Cử nhân	
84	2273403010868	Nguyễn Thị Anh Thơ	13/09/2004	Nữ	K67B-Kế toán	130	8,30	3,56	3,56	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
85	2273403010809	Nguyễn Thị Thúy	22/01/2004	Nữ	K67B-Kế toán	132	7,99	3,38	3,38	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
86	2274801040750	Nguyễn Thị Thúy	29/09/2003	Nữ	K67B-Kế toán	130	7,92	3,35	3,35	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
87	2273403010429	Nguyễn Thu Thủy	04/01/2004	Nữ	K67B-Kế toán	135	7,61	3,20	3,20	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
88	2273403010285	Kiều Thu Trang	19/06/2004	Nữ	K67B-Kế toán	130	6,84	2,68	2,68	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
89	2273403010234	Nguyễn Thị Thu Trang	19/01/2004	Nữ	K67B-Kế toán	133	7,12	2,84	2,84	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
90	2273403010088	Nguyễn Thị Thanh Tú	22/12/2004	Nữ	K67B-Kế toán	135	7,86	3,33	3,33	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
91	2273403010390	Nguyễn Vũ Diệu Uyên	31/05/2004	Nữ	K67B-Kế toán	133	7,67	3,23	3,23	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
92	2273403010012	Hoàng Thị Hải Vân	25/02/1991	Nữ	K67F-Kế toán	130	7,86	3,31	3,31	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Khối kiến thức ngành				Khối kiến thức CDR		Hạng tốt nghiệp	Văn bằng TN	Ghi chú
						Số TCTL	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	Điểm XLTN	Tin học	Tiếng Anh			
IX	Ngành Kiến trúc cảnh quan: 08 Sv													
1	2043110485	Nguyễn Minh Hiếu	29/09/2002	Nam	K65_KTCQ	154	7,29	2,99	2,99	Đạt	Đạt	Khá	Kiến trúc sư	
2	2041040170	Nguyễn Thị Lan Quỳnh	24/01/2002	Nữ	K65_KTCQ	154	8,04	3,4	3,4	Đạt	Đạt	Giỏi	Kiến trúc sư	
3	2043110228	Đinh Tất Thắng	25/05/2002	Nam	K65_KTCQ	154	8,26	3,54	3,54	Đạt	Đạt	Giỏi	Kiến trúc sư	
4	2043110369	Nguyễn Thị Thu Trang	05/06/2002	Nữ	K65_KTCQ	154	7,57	3,19	3,19	Đạt	Đạt	Khá	Kiến trúc sư	
5	2175801100224	Nguyễn Thành Đạt	07/11/2003	Nam	K66A_KTCQ	154	6,82	2,62	2,62	Đạt	Đạt	Khá	Kiến trúc sư	
6	2175801100075	Nguyễn Thị Thanh Hiền	07/03/2003	Nữ	K66A_KTCQ	154	8,16	3,55	3,55	Đạt	Đạt	Giỏi	Kiến trúc sư	
7	2175801100338	Nguyễn Xuân Lộc	31/03/2003	Nam	K66A_KTCQ	154	6,95	2,78	2,78	Đạt	Đạt	Khá	Kiến trúc sư	
8	2175801100246	Lưu Thái Toàn	08/07/2003	Nam	K66A_KTCQ	154	6,61	2,5	2,5	Đạt	Đạt	Khá	Kiến trúc sư	
X	Ngành Kinh tế: 11 Sv													
1	2174801040945	Đàm Chí Công	27/05/2003	Nam	K66A_Kinh tế	129	7,33	2,97	2,97	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
2	2178501010879	Nguyễn Khánh Toàn	26/06/2003	Nam	K66A_Kinh tế	129	6,93	2,73	2,73	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
3	2273101010875	Nguyễn Thị Mỹ Dung	06/09/2004	Nữ	K67A-Kinh tế	129	8,37	3,62	3,62	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Cử nhân	
4	2273101010813	Hà Quốc Định	24/08/2004	Nam	K67A-Kinh tế	129	7,68	3,21	3,21	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
5	2273101010782	Nguyễn Thị Hạnh	15/01/2004	Nữ	K67A-Kinh tế	129	8	3,38	3,38	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
6	2276401010269	Bùi Thị Khánh Linh	03/02/2004	Nữ	K67A-Kinh tế	129	7,43	3,10	3,10	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
7	2273101010323	Ngô Thị Hồng Mai	14/12/2004	Nữ	K67A-Kinh tế	129	8,13	3,50	3,50	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	Hạ bậc XLTN
8	2273401010644	Nguyễn Thị Nga	28/02/2004	Nữ	K67A-Kinh tế	129	7,72	3,24	3,24	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Khối kiến thức ngành				Khối kiến thức CDR		Hạng tốt nghiệp	Văn bằng TN	Ghi chú
						Số TCTL	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	Điểm XLTN	Tin học	Tiếng Anh			
9	2273101010115	Nguyễn Lâm Phong	03/06/2004	Nam	K67A-Kinh tế	132	7,94	3,37	3,37	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
10	2273101010380	Trần Thị Hoài Thu	19/08/2004	Nữ	K67A-Kinh tế	129	8,17	3,49	3,49	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
11	2273101010807	Nguyễn Thị Hồng Vân	11/11/2004	Nữ	K67A-Kinh tế	129	7,90	3,33	3,33	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
X1	Ngành Kỹ thuật xây dựng: 02 Sv													
1	1951051127	Nguyễn Tiến Đạt	15/09/2001	Nam	K64_KTXD	136	7,2	2,89	2,89	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
2	2041050582	Sùng A Minh	06/01/2002	Nam	K65_KTXD	151	6,43	2,39	2,39	Đạt	Đạt	Trung bình	Kỹ sư	
XII	Ngành Quản lý đất đai: 05 Sv													
1	2054032975	Dương Tiến Hoàng	19/08/1999	Nam	K65_LT_QLĐĐ	126	7,31	3,04	3,04	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
2	2278501030521	Vũ Thị Bích Ngọc	18/03/2004	Nữ	K67A-QLĐĐ	126	7,27	2,94	2,94	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
3	2278501030681	Phạm Phú Quý	06/11/2004	Nam	K67A-QLĐĐ	126	8,20	3,56	3,56	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
4	2273401010587	Nông Bích Thuý	28/08/2004	Nữ	K67A-QLĐĐ	126	6,92	2,66	2,66	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
5	2278501030527	Nguyễn Tuấn Hưng	18/06/2004	Nam	K67A-QLĐĐ	126	7,86	3,33	3,33	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
XIII	Ngành Quản lý tài nguyên rừng: 06 Sv													
1	2043020423	Lê Văn Mạnh	31/01/2002	Nam	K65_QLTNR	150	6,96	2,74	2,74	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
2	2176202110331	Sổng A Chung	13/11/2002	Nam	K66A_QLTNR	152	7,72	3,24	3,24	Đạt	Đạt	Giỏi	Kỹ sư	
3	2176202110432	Nguyễn Chu Hoàng Duy	23/09/2003	Nam	K66A_QLTNR	150	6,73	2,6	2,6	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
4	2176202110278	Làng Minh Khương	09/07/2003	Nam	K66A_QLTNR	152	7,5	3,11	3,11	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
5	2174801040730	Làng Trung Thành	18/08/2002	Nam	K66A_QLTNR	152	8,2	3,52	3,52	Đạt	Đạt	Giỏi	Kỹ sư	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Khối kiến thức ngành				Khối kiến thức CDR		Hạng tốt nghiệp	Văn bằng TN	Ghi chú
						Số TCTL	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	Điểm XLTN	Tin học	Tiếng Anh			
6	2276202110784	Nguyễn Quỳnh Trang	27/05/2004	Nữ	K67A-QLTNR	150	8,18	3,50	3,50	Đạt	Đạt	Giỏi	Kỹ sư	
XIV	Ngành Quản lý tài nguyên thiên nhiên: 04 Sv													
1	1953091205	Hoàng Trung Hiếu	24/01/2001	Nam	K64_QLTNTN_TT (TT)	142	6,87	2,7	2,7	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
2	1953091187	Vương Quang Vinh	20/11/2001	Nam	K64_QLTNTN_TT (TT)	142	7,57	3,11	3,11	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
3	2043090557	Triệu Đức Trí	01/09/2002	Nam	K65_QLTNTN_TT	142	8,67	3,71	3,71	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Cử nhân	
4	217908532A0980	Chu Quỳnh Anh	01/03/2003	Nữ	K66_QLTNTN	142	7,33	2,98	2,98	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
XV	Ngành Quản lý tài nguyên và môi trường: 01 Sv													
1	2278501010629	Ma Văn Đạt	04/05/2004	Nam	K67A-QLTNMT	124	7,06	2,84	2,84	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
XVI	Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành: 05 Sv													
1	2044070514	Cao Thị Quỳnh	09/08/2002	Nữ	K65_DLLH	128	7,48	3,08	3,08	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
2	2178101030973	Hồ Quốc Sang	06/12/2003	Nam	K66A_DLLH	128	6,88	2,64	2,64	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
3	2278101030906	Vũ Thị Ngọc	02/08/2004	Nữ	K67A-QTDLLH	129	8,17	3,54	3,54	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
4	2278101030734	Phùng Thị Huyền Trang	09/12/2004	Nữ	K67A-QTDLLH	129	7,89	3,35	3,35	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
5	2278101030714	Vừ Mí Tú	09/07/2004	Nam	K67A-QTDLLH	129	7,57	3,09	3,09	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
XVII	Ngành Quản trị kinh doanh: 40 Sv													
1	1854010125	Nguyễn Bảo Ngọc	21/07/2000	Nữ	K63_QTKD	143	6,38	2,38	2,38	Đạt	Đạt	Trung bình	Cử nhân	
2	2044060190	Thên Thị Hường	07/02/2001	Nữ	K65_QTKD	135	7,15	2,83	2,83	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
3	2173401010273	Trần Thùy Dương	26/03/2003	Nữ	K66A_QTKD	132	7,7	3,2	3,2	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Khối kiến thức ngành				Khối kiến thức CDR		Hạng tốt nghiệp	Văn bằng TN	Ghi chú
						Số TCTL	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	Điểm XLTN	Tin học	Tiếng Anh			
4	2173401010022	Kiều Châu Giang	20/12/2003	Nữ	K66A_QTKD	131	7,43	3,06	3,06	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
5	2173401010562	Dương Thị Huyền	09/06/2003	Nữ	K66B_QTKD	131	7,21	2,86	2,86	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
6	2173401010710	Nguyễn Trung Tiên	16/07/2003	Nam	K66B_QTKD	131	6,71	2,53	2,53	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
7	2173401010260	Nguyễn Thị Ngọc Bích	16/08/2003	Nữ	K66C_QTKD	132	7,02	2,73	2,73	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
8	2173401010403	Lương Bá Hanh	06/01/2003	Nam	K66C_QTKD	136	6,8	2,6	2,6	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
9	2173401010329	Nguyễn Thị Sông Hương	01/06/2001	Nữ	K66C_QTKD	135	7,44	3,06	3,06	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
10	2273401010138	Lê Hoàng Anh	20/12/2004	Nữ	K67A-QTKD	132	8,17	3,44	3,44	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
11	2274801040203	Nguyễn Kỳ Anh	12/12/2004	Nam	K67A-QTKD	131	7,52	3,15	3,15	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
12	2273401010433	Vũ Thúy Anh	28/10/2004	Nữ	K67A-QTKD	130	7,33	3,00	3,00	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
13	2273401010811	Nguyễn Tiến Du	22/07/2004	Nam	K67A-QTKD	130	7,62	3,16	3,16	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
14	2273401010826	Trần Thị Thùy Dung	20/09/2004	Nữ	K67A-QTKD	130	7,88	3,34	3,34	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
15	2274801040845	Nguyễn Khánh Duy	09/08/2003	Nam	K67A-QTKD	130	7,90	3,30	3,30	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
16	2273401010416	Phạm Trần Thu Hà	23/10/2004	Nữ	K67A-QTKD	136	8,56	3,65	3,65	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Cử nhân	
17	2273401010821	Phạm Thanh Hằng	05/10/2004	Nữ	K67A-QTKD	131	7,66	3,18	3,18	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
18	2273401010708	Nguyễn Thị Hương	26/09/2003	Nữ	K67A-QTKD	133	7,46	3,09	3,09	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
19	2273401010469	Nguyễn Thị Lan Hương	06/06/2004	Nữ	K67A-QTKD	134	7,84	3,26	3,26	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
20	2273401010745	Nguyễn Tiến Lâm	08/02/2004	Nam	K67A-QTKD	130	6,74	2,58	2,58	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
21	2273401010275	Lê Triệu Bảo Lâm	01/03/2004	Nữ	K67A-QTKD	131	7,84	3,27	3,27	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Khối kiến thức ngành				Khối kiến thức CDR		Hạng tốt nghiệp	Văn bằng TN	Ghi chú
						Số TCTL	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	Điểm XLTN	Tin học	Tiếng Anh			
22	2273401010510	Nguyễn Khánh Ly	19/10/2004	Nữ	K67A-QTKD	133	7,33	2,99	2,99	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
23	2273401010657	Nguyễn Bảo Ngọc	11/01/2004	Nữ	K67A-QTKD	130	7,81	3,33	3,33	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
24	2273401010678	Đỗ Thị Nhung	13/04/2004	Nữ	K67A-QTKD	131	7,88	3,34	3,34	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
25	2273401010377	Lê Yến Nhung	18/08/2004	Nữ	K67A-QTKD	130	8,15	3,50	3,50	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
26	2273401010847	Phạm Như Quỳnh	24/10/2004	Nữ	K67A-QTKD	136	8,34	3,61	3,61	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Cử nhân	
27	2273401010460	Trần Như Quỳnh	24/05/2004	Nữ	K67A-QTKD	131	8,11	3,46	3,46	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
28	2273403010384	Nguyễn Thị Lệ Quyên	07/10/2004	Nữ	K67A-QTKD	133	7,72	3,21	3,21	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
29	2273401010577	Nguyễn Thị Tâm	29/11/2004	Nữ	K67A-QTKD	130	7,76	3,28	3,28	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
30	2275102050137	Lù Đức Thịnh	02/11/2004	Nam	K67A-QTKD	130	7,35	2,98	2,98	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
31	2273401010336	Phạm Thị Phương Thảo	11/05/2004	Nữ	K67A-QTKD	133	8,81	3,76	3,76	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Cử nhân	
32	2273401010313	Tạ Thanh Thảo	12/10/2004	Nữ	K67A-QTKD	133	7,60	3,12	3,12	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
33	2273401010423	Vũ Thị Hiền Thảo	13/08/2004	Nữ	K67A-QTKD	130	8,13	3,46	3,46	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
34	2273401010373	Nguyễn Thị Thu	16/11/2004	Nữ	K67A-QTKD	131	8,35	3,60	3,60	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Cử nhân	
35	2273401010776	Lê Thị Anh Thu	25/02/2004	Nữ	K67A-QTKD	134	7,48	3,09	3,09	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
36	2273401010984	Chào A Tinh	26/06/2003	Nam	K67A-QTKD	130	7,55	3,16	3,16	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
37	2273401010624	Bùi Văn Trường	11/08/2004	Nam	K67A-QTKD	133	6,87	2,67	2,67	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
38	2273401010136	Đinh Xuân Việt	12/04/2004	Nam	K67A-QTKD	130	7,28	2,92	2,92	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
39	2273403010452	Đinh Thị Uy Xuyên	26/11/2004	Nữ	K67A-QTKD	134	7,83	3,29	3,29	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
40	2273401010766	Nguyễn Thị Yến	07/02/2004	Nữ	K67A-QTKD	130	7,41	3,04	3,04	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Khối kiến thức ngành				Khối kiến thức CDR		Hạng tốt nghiệp	Văn bằng TN	Ghi chú
						Số TCTL	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	Điểm XLTN	Tin học	Tiếng Anh			
XVIII	Ngành Thiết kế nội thất: 28 Sv													
1	1851040051	Đôn Trí Bách	30/08/2000	Nam	K63_TKNT	137	7,05	2,82	2,82	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
2	1854070036	Nguyễn Tiến Thành	24/08/2000	Nam	K63_TKNT	137	7,11	2,82	2,82	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
3	2041040019	Nguyễn Thùy Dung	03/08/2002	Nữ	K65_TKNT	130	8,67	3,74	3,74	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Cử nhân	
4	2041040418	Cần Văn Mạnh	04/08/2002	Nam	K65_TKNT	130	8,12	3,43	3,43	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
5	2041040034	Đỗ Thị Yến Nhi	01/01/2002	Nữ	K65_TKNT	130	8,99	3,88	3,88	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Cử nhân	
6	2175801080801	Trần Đức Duy	15/12/2003	Nam	K66A_TKNT	130	8,52	3,64	3,64	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Cử nhân	
7	2175801080392	Phan Quốc Đạt	11/07/2003	Nam	K66A_TKNT	130	7,53	3,05	3,05	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
8	2175801080793	Nguyễn Phan Hương Giang	07/11/2003	Nữ	K66A_TKNT	130	7,74	3,23	3,23	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
9	2175801080045	Trần Việt Hoàng	28/12/2003	Nam	K66A_TKNT	130	8,04	3,37	3,37	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
10	2175801080214	Nguyễn Thanh Phương	18/01/2003	Nữ	K66A_TKNT	130	7,77	3,26	3,26	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
11	2175801080612	Nguyễn Quốc Trọng	13/11/2003	Nam	K66A_TKNT	130	8,47	3,61	3,61	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Cử nhân	
12	2275801080451	Triệu Thị Phương Anh	08/12/2004	Nữ	K67A-TKNT	132	8,02	3,32	3,32	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
13	2275801080793	Nguyễn Trung Chính	27/09/2004	Nam	K67A-TKNT	132	7,26	2,93	2,93	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
14	2275801080634	Nguyễn Ngọc Duy	21/10/2004	Nam	K67A-TKNT	132	7,90	3,14	3,14	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
15	2275801080482	Trần Nho Đạt	17/09/2004	Nam	K67A-TKNT	132	8,66	3,64	3,64	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Cử nhân	
16	2275801080639	Nguyễn Phú Hiến	31/07/2003	Nam	K67A-TKNT	130	8,52	3,63	3,63	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Cử nhân	
17	2275801080696	Nguyễn Thị Hường	21/12/2004	Nữ	K67A-TKNT	132	7,91	3,36	3,36	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Khối kiến thức ngành				Khối kiến thức CDR		Hạng tốt nghiệp	Văn bằng TN	Ghi chú
						Số TCTL	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	Điểm XLTN	Tin học	Tiếng Anh			
18	2275801080325	Đặng Thị Hương	25/08/2004	Nữ	K67A-TKNT	132	9,17	3,93	3,93	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Cử nhân	
19	2275801080357	Bùi Quang Khải	04/07/2004	Nam	K67A-TKNT	132	7,31	2,96	2,96	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
20	2276401010267	Đinh Diệu Linh	10/09/2004	Nữ	K67A-TKNT	132	8,62	3,70	3,70	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Cử nhân	
21	2275801080407	Phan Thị Diệu Linh	14/12/2004	Nữ	K67A-TKNT	132	8,14	3,46	3,46	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
22	2275801080411	Hoàng Thị Ngọc	11/12/2004	Nữ	K67A-TKNT	132	7,96	3,28	3,28	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
23	2275801080326	Vũ Thị Hồng Nhị	27/10/2004	Nữ	K67A-TKNT	132	8,99	3,83	3,83	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Cử nhân	
24	2275801080805	Nguyễn Minh Sơn	13/10/2004	Nam	K67A-TKNT	132	8,34	3,52	3,52	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
25	2275801080846	Trần Văn Tĩnh	22/08/2004	Nam	K67A-TKNT	132	8,47	3,50	3,50	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
26	2273403010368	Dương Thị Thảo Trang	26/11/2004	Nữ	K67A-TKNT	132	8,88	3,80	3,80	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Cử nhân	
27	2275801080404	Bùi Gia Tường	27/08/2004	Nam	K67A-TKNT	134	8,91	3,78	3,78	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Cử nhân	
28	2275801080218	Nguyễn Thị Thu Uyên	28/05/2004	Nữ	K67A-TKNT	132	8,02	3,30	3,30	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
XIX	Ngành Thú y: 11 Sv													
1	1855020435	Nguyễn Đức Ngọc	22/07/1995	Nam	K63_Thú y	146	7,49	3,1	3,1	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
2	2045020060	Trần Tiến Đạt	19/11/2001	Nam	K65_Thú y	155	7,27	2,95	2,95	Đạt	Đạt	Khá	Bác sĩ	
3	2045020397	Chu Đình Đức	06/12/2002	Nam	K65_Thú y	153	7,01	2,82	2,82	Đạt	Đạt	Khá	Bác sĩ	
4	2176401010167	Quách Thế Bảo	13/09/2003	Nam	K66A_Thú y	151	7,14	2,88	2,88	Đạt	Đạt	Khá	Bác sĩ	
5	2176401010239	Hoàng Đức Chiến	28/09/2003	Nam	K66A_Thú y	153	7,02	2,79	2,79	Đạt	Đạt	Khá	Bác sĩ	
6	2176401011004	Đoàn Thị Hằng	27/02/2003	Nữ	K66A_Thú y	151	7,66	3,23	3,23	Đạt	Đạt	Giỏi	Bác sĩ	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Khối kiến thức ngành				Khối kiến thức CDR		Hạng tốt nghiệp	Văn bằng TN	Ghi chú
						Số TCTL	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	Điểm XLTN	Tin học	Tiếng Anh			
7	2176401010321	Trần Thị Hương	13/10/2003	Nữ	K66A_Thú y	152	7,59	3,12	3,12	Đạt	Đạt	Khá	Bác sĩ	
8	2276401010337	Nguyễn Lan Phương	15/01/2003	Nữ	K66A_Thú y	151	7,71	3,22	3,22	Đạt	Đạt	Giỏi	Bác sĩ	
9	2176401010152	Bùi Thị Yến Trinh	23/10/2003	Nữ	K66A_Thú y	151	7,65	3,22	3,22	Đạt	Đạt	Giỏi	Bác sĩ	
10	2176401010029	Đỗ Thị Vân	26/04/2003	Nữ	K66A_Thú y	152	7,33	2,99	2,99	Đạt	Đạt	Khá	Bác sĩ	
11	2176401010918	Nguyễn Ngọc Ý	18/07/2003	Nữ	K66A_Thú y	151	7,85	3,31	3,31	Đạt	Đạt	Giỏi	Bác sĩ	
B	Phân hiệu tại tỉnh Đồng Nai: 168 Sv													
I	Ngành Kế toán: 38 Sv													
1	207340301020	Bùi Thị Ngân	30/11/1999	Nữ	K65B1_KT	133	6,52	2,43	2,43	Đạt	Đạt	Trung bình	Cử nhân	
2	207340301032	Nguyễn Thị Thanh Trúc	28/01/1991	Nữ	K65B1_KT	133	7,91	3,39	3,39	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	Hạ bậc XLTN
3	207340301045	Đỗ Lương Bằng	01/10/2002	Nam	K65B1_KT	133	6,17	2,20	2,20	Đạt	Đạt	Trung bình	Cử nhân	
4	217340301013	Nguyễn Thị Thanh Thúy	09/02/2003	Nữ	K66_KT	131	8,63	3,78	3,78	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	Hạ bậc XLTN
5	21B340301685	Trần Mạnh Hà	28/01/1976	Nam	K66A3_LT_KT_CQ	133	7,34	2,99	2,99	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
6	21B340301022	Lê Đoàn Hồng Nhung	22/05/2001	Nữ	K66A4_LT_KT_BH_CQ	131	6,75	2,66	2,66	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
7	227340101009	Giang Thị Thái Hà	17/11/2004	Nữ	K67_KT	131	6,88	2,69	2,69	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
8	227340101013	Ngô Bùi Khánh Linh	20/01/2004	Nữ	K67_KT	131	6,75	2,62	2,62	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
9	227340101016	Nguyễn Thị Hồng Nhung	04/11/2004	Nữ	K67_KT	131	7,43	3,06	3,06	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
10	227340301011	Nguyễn Thiên Bảo	25/07/2004	Nam	K67_KT	131	6,65	2,51	2,51	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
11	227340301016	Hà Thị Hồng	14/04/2004	Nữ	K67_KT	131	7,10	2,82	2,82	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Khối kiến thức ngành				Khối kiến thức CDR		Hạng tốt nghiệp	Văn bằng TN	Ghi chú
						Số TCTL	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	Điểm XLTN	Tin học	Tiếng Anh			
12	227340301017	Phan Thị Bích Huệ	13/08/2001	Nữ	K67_KT	131	8,86	3,84	3,84	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Cử nhân	
13	227340301019	Nguyễn Đỗ Đoan Hy	01/09/2004	Nữ	K67_KT	131	7,34	2,99	2,99	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
14	227340301020	Nguyễn Hải Đăng Khoa	11/06/2004	Nam	K67_KT	131	6,48	2,44	2,44	Đạt	Đạt	Trung bình	Cử nhân	
15	227340301026	Đỗ Thị Phương Mai	26/08/2004	Nữ	K67_KT	131	6,82	2,66	2,66	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
16	227340301027	Trịnh Thị Kim Ngân	20/03/2004	Nữ	K67_KT	131	6,59	2,52	2,52	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
17	227340301028	Trương Quỳnh Như	12/12/2004	Nữ	K67_KT	131	7,56	3,11	3,11	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
18	227340301029	Hoàng Minh Phước	28/05/2004	Nữ	K67_KT	131	7,95	3,37	3,37	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
19	227340301030	Nguyễn Thị Ngọc Phương	26/11/2004	Nữ	K67_KT	131	7,84	3,34	3,34	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
20	227340301032	Đinh Hà Thu Thủy	03/12/2004	Nữ	K67_KT	131	8,01	3,44	3,44	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
21	227340301033	Đinh Nữ Thủy Tiên	30/11/2003	Nữ	K67_KT	131	8,10	3,50	3,50	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
22	227340301034	Trần Thị Thùy Trang	24/04/2003	Nữ	K67_KT	131	8,60	3,78	3,78	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Cử nhân	
23	227340301036	Vũ Tố Uyên	24/03/2004	Nữ	K67_KT	131	6,33	2,27	2,27	Đạt	Đạt	Trung bình	Cử nhân	
24	227340301037	Phạm Kiều Như Ý	31/12/2004	Nữ	K67_KT	131	6,97	2,71	2,71	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
25	227340301039	Nguyễn Thị Ngọc Trân	17/08/2004	Nữ	K67_KT	131	7,82	3,25	3,25	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
26	227340301040	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	29/06/2004	Nữ	K67_KT	131	7,22	2,89	2,89	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
27	227340301041	Nguyễn Thị Bích	21/02/2004	Nữ	K67_KT	131	8,18	3,54	3,54	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
28	227340301043	Nguyễn Thị Thu Hiền	02/05/2003	Nữ	K67_KT	131	8,97	3,90	3,90	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Cử nhân	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Khối kiến thức ngành				Khối kiến thức CDR		Hạng tốt nghiệp	Văn bằng TN	Ghi chú
						Số TCTL	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	Điểm XLTN	Tin học	Tiếng Anh			
29	227340301044	Nguyễn Thị Thùy Linh	15/02/2004	Nữ	K67_KT	131	8,37	3,66	3,66	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Cử nhân	
30	227340301045	Ngô Thị Nhung	26/02/2004	Nữ	K67_KT	131	6,76	2,57	2,57	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
31	227340301048	Phan Thị Ngọc Ánh	08/09/2004	Nữ	K67_KT	131	7,94	3,36	3,36	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
32	227640101084	Nguyễn Thị Hoa Mai	20/10/2004	Nữ	K67_KT	131	7,58	3,18	3,18	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
33	227340301021	H' Len	11/08/2004	Nữ	K67_KT	131	6,59	2,51	2,51	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
34	237340301009	Trần Hữu Kỳ	02/04/2002	Nam	K68_KT	131	8,57	3,72	3,72	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Cử nhân	
35	237340301023	Nguyễn Thị Tuyền	20/10/2004	Nữ	K68_KT	131	7,58	3,13	3,13	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
36	237340301054	Hà Ngọc Lễ Nhân Trang	30/03/1992	Nam	K68_KT	131	7,97	3,36	3,36	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
37	23B340301861	Vũ Thanh Tâm	02/01/1997	Nam	K68A6_LT_KT_CQ	131	6,93	2,74	2,74	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
38	23B340301866	Bùi Ngọc Yến	27/01/1999	Nữ	K68A6_LT_KT_CQ	131	7,16	2,85	2,85	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
II	Ngành Khoa học cây trồng: 01 Sv													
1	217620110002	Xu Nguyên Đình	17/04/2002	Nam	K66_KHCT	155	7,05	2,82	2,82	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
III	Ngành Quản lý đất đai: 22 Sv													
1	217850103008	Vương Đoàn Huy	03/04/2003	Nam	K66_QLDD	152	6,67	2,58	2,58	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
2	217850103014	Trần Văn Phúc	06/09/1998	Nam	K66_QLDD	152	6,19	2,26	2,26	Đạt	Đạt	Trung bình	Kỹ sư	
3	217850103032	Trần Nguyễn Anh Duy	12/05/2003	Nam	K66_QLDD	152	6,31	2,31	2,31	Đạt	Đạt	Trung bình	Kỹ sư	
4	217850103044	Nguyễn Đức Hoàng	03/10/2003	Nam	K66_QLDD	152	6,55	2,50	2,50	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
5	217850103045	Nguyễn Long Thịnh	30/07/2003	Nam	K66_QLDD	152	7,32	2,95	2,95	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Khối kiến thức ngành				Khối kiến thức CDR		Hạng tốt nghiệp	Văn bằng TN	Ghi chú
						Số TCTL	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	Điểm XLTN	Tin học	Tiếng Anh			
6	217850103050	Dương Thị Bảo Linh	25/04/2002	Nữ	K66_QLDD	152	7,02	2,76	2,76	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
7	23A850103016	Trần Gia Huân	05/10/1991	Nam	K68A4_LT_QLDD_CQ	126	7,23	2,95	2,95	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
8	23A850103021	Nguyễn Thái Linh	10/09/1992	Nam	K68A4_LT_QLDD_CQ	128	7,06	2,80	2,80	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
9	23A850103023	Hồ Bá Tiến	23/06/1993	Nam	K68A4_LT_QLDD_CQ	126	7,71	3,21	3,21	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
10	23A850103025	Nguyễn Văn Tâm	06/05/1983	Nam	K68A4_LT_QLDD_CQ	126	7,06	2,79	2,79	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
11	23A850103026	Lê Tiến Thanh	25/11/1993	Nam	K68A4_LT_QLDD_CQ	126	7,74	3,24	3,24	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
12	23A850103027	Huỳnh Nhựt Nam	13/11/2002	Nam	K68A4_LT_QLDD_CQ	126	7,22	2,89	2,89	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
13	23A850103029	Hoàng Đình Anh	10/10/1990	Nam	K68A4_LT_QLDD_CQ	126	7,17	2,88	2,88	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
14	23A850103030	Võ Thị Phương Thảo	20/11/1983	Nữ	K68A4_LT_QLDD_CQ	126	7,64	3,20	3,20	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
15	23A850103031	Trần Thị Mỹ Hạnh	22/05/1981	Nữ	K68A4_LT_QLDD_CQ	126	7,46	3,06	3,06	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
16	23A850103032	Hồ Sỹ Tuấn	09/11/1994	Nam	K68A4_LT_QLDD_CQ	126	7,25	2,97	2,97	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
17	23A850103035	Nguyễn Thanh Tuấn	25/10/1975	Nam	K68A4_LT_QLDD_CQ	127	7,86	3,30	3,30	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
18	23A850103038	Mai Giang Sơn	16/02/1993	Nam	K68A4_LT_QLDD_CQ	128	6,85	2,67	2,67	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
19	23A850103040	Nguyễn Thị Huyền	18/10/1979	Nữ	K68A4_LT_QLDD_CQ	126	7,49	3,10	3,10	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
20	23A850103041	Nguyễn Hữu Đức	17/02/1984	Nam	K68A4_LT_QLDD_CQ	127	6,99	2,80	2,80	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
21	23A850103042	Chu Quốc Đạt	17/04/1992	Nam	K68A4_LT_QLDD_CQ	126	7,29	2,95	2,95	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
22	23A850103043	Nguyễn Xuân Hân	30/03/1994	Nam	K68A4_LT_QLDD_CQ	126	7,93	3,35	3,35	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
IV	Ngành Quản lý tài nguyên và môi trường: 12 Sv													
1	207850101003	Nguyễn Minh Nhật	14/11/2002	Nam	K65_QLTN&MT	131	6,98	2,76	2,76	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Khối kiến thức ngành				Khối kiến thức CDR		Hạng tốt nghiệp	Văn bằng TN	Ghi chú
						Số TCTL	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	Điểm XLTN	Tin học	Tiếng Anh			
2	217850101007	Ngô Văn Trí	19/11/2002	Nam	K66_QLTN&MT	124	7,17	2,89	2,89	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
3	217850101008	Lê Duy Phúc	12/11/2001	Nam	K66_QLTN&MT	124	6,48	2,44	2,44	Đạt	Đạt	Trung bình	Cử nhân	
4	227850101005	Nguyễn Ngọc Bảo Linh	14/04/2004	Nữ	K67_QLTN&MT	124	7,57	3,15	3,15	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
5	227850101007	Lý Thị Cẩm Ly	22/07/2004	Nữ	K67_QLTN&MT	124	7,39	3,05	3,05	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
6	227850101008	Đặng Thị Kim Nguyên	21/11/2004	Nữ	K67_QLTN&MT	124	7,36	3,02	3,02	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
7	227850101009	Nguyễn Thành Nhân	18/08/2003	Nam	K67_QLTN&MT	124	7,11	2,83	2,83	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
8	227850101010	Phạm Thị Yên Nhi	17/09/2004	Nữ	K67_QLTN&MT	124	7,54	3,10	3,10	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
9	227850101011	Lê Ngọc Minh Thư	05/01/2004	Nữ	K67_QLTN&MT	124	7,55	3,12	3,12	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
10	227850101013	Đặng Anh Hào	17/09/2004	Nam	K67_QLTN&MT	124	8,48	3,69	3,69	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Cử nhân	
11	227850101014	Chống Nhật Quang	21/09/2004	Nam	K67_QLTN&MT	124	7,94	3,40	3,40	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
12	227850101016	Trần Thanh Hải	12/07/2003	Nam	K67_QLTN&MT	124	7,17	2,90	2,90	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
V	Ngành Quản lý tài nguyên rừng: 02 Sv													
1	217620211001	Phạm Nhật An	01/08/2003	Nam	K66_QLTNR	150	6,55	2,47	2,47	Đạt	Đạt	Trung bình	Kỹ sư	
2	217620211040	Phạm Trần Sơn Ngọc Minh	15/08/2003	Nam	K66_QLTNR	150	7,47	3,05	3,05	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
VI	Ngành Quản trị kinh doanh: 21 Sv													
1	187340101016	Đinh Trung Thành	23/08/1997	Nam	K64_QTKD	136	6,23	2,29	2,29	Đạt	Đạt	Trung bình	Cử nhân	
2	217340101023	Nguyễn Ngọc Sang	15/01/2003	Nam	K66_QTKD	131	6,88	2,68	2,68	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
3	217340101031	Lê Thị Thanh Thảo	23/02/2002	Nữ	K66_QTKD	131	6,95	2,74	2,74	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Khối kiến thức ngành				Khối kiến thức CDR		Hạng tốt nghiệp	Văn bằng TN	Ghi chú
						Số TCTL	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	Điểm XLTN	Tin học	Tiếng Anh			
4	227340101005	Trần Thanh Đồng	30/07/2004	Nam	K67_QTKD	131	8,20	3,52	3,52	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
5	227340101011	Phan Thị Hương	16/03/2004	Nữ	K67_QTKD	131	8,41	3,63	3,63	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Cử nhân	
6	227340101012	Nguyễn Thị Kim Hường	02/09/2004	Nữ	K67_QTKD	131	7,78	3,29	3,29	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
7	227340101015	Bùi Xuân Mai	28/01/2003	Nữ	K67_QTKD	131	8,28	3,58	3,58	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
8	227340101017	Trần Thị Quỳnh Nhung	03/05/2004	Nữ	K67_QTKD	131	8,39	3,66	3,66	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Cử nhân	
9	227340101018	Hoàng Nguyễn Như Phượng	15/08/2003	Nữ	K67_QTKD	131	7,99	3,39	3,39	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
10	227340101020	Phan Thị Thanh Thảo	23/04/2004	Nữ	K67_QTKD	131	7,16	2,86	2,86	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
11	227340101022	Lưu Anh Thư	19/11/2004	Nữ	K67_QTKD	131	7,76	3,29	3,29	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
12	227340101025	Hoàng Thùy Trang	25/02/2004	Nữ	K67_QTKD	131	8,14	3,52	3,52	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
13	227340101027	Mai Ngọc Vượng	13/06/2004	Nam	K67_QTKD	131	7,88	3,33	3,33	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
14	227340101028	Trần Thành Đạt	24/08/2004	Nam	K67_QTKD	131	2,72	2,72	2,72	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
15	227340101034	Nguyễn Thị Hiếu	01/12/2004	Nữ	K67_QTKD	131	7,92	3,35	3,35	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
16	227340101035	Lê Đoàn Hải My	02/01/2004	Nữ	K67_QTKD	131	7,13	2,87	2,87	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
17	227340101037	Đặng Thị Thùy Trang	07/09/2004	Nữ	K67_QTKD	131	7,33	2,98	2,98	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
18	227340101038	Đinh Thị Thu Kiều	20/05/2004	Nữ	K67_QTKD	131	7,49	3,06	3,06	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
19	227340301042	Nguyễn Thị Thùy Trang	17/05/2004	Nữ	K67_QTKD	131	7,92	3,38	3,38	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
20	227850103050	Nguyễn Huy Nam	22/02/2004	Nam	K67_QTKD	131	6,65	2,53	2,53	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
21	227340101004	Nguyễn Minh Đạt	12/01/2004	Nam	K67_QTKD	131	7,62	3,12	3,12	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Khối kiến thức ngành				Khối kiến thức CDR		Hạng tốt nghiệp	Văn bằng TN	Ghi chú
						Số TCTL	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	Điểm XLTN	Tin học	Tiếng Anh			
VII	Ngành Thiết kế nội thất: 12 Sv													
1	217580108007	Phạm Tấn Sinh	05/11/2003	Nam	K66_TKNT	130	8,05	3,45	3,45	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
2	217580108018	Vũ Mạnh Học	25/03/2003	Nam	K66_TKNT	130	6,99	2,75	2,75	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
3	227549001002	Hoàng Trung Tiến	01/01/2004	Nam	K67_TKNT	130	7,40	3,02	3,02	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
4	227580108001	Nguyễn Thiên Bảo	19/02/2004	Nam	K67_TKNT	130	7,05	2,78	2,78	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
5	227580108002	Trần Tuấn Đạt	15/02/2004	Nam	K67_TKNT	130	7,54	3,11	3,11	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
6	227580108005	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	25/10/1999	Nữ	K67_TKNT	130	8,19	3,60	3,60	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Cử nhân	
7	227580108006	Trần Duy Thành	24/07/2003	Nam	K67_TKNT	130	7,96	3,42	3,42	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
8	227580108008	Nghiêm Thị Lan Anh	24/10/2003	Nữ	K67_TKNT	130	7,27	2,95	2,95	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
9	227580108009	Nguyễn Thị Thùy Dung	01/05/2004	Nữ	K67_TKNT	130	8,11	3,48	3,48	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
10	227580108014	Lò Xuân Hoàng	30/12/2003	Nam	K67_TKNT	130	7,61	3,18	3,18	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
11	227580108017	Phạm Hoàng Kỳ Anh	25/10/2004	Nữ	K67_TKNT	130	7,92	3,36	3,36	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
12	227549001001	Trần Văn Thái	09/11/2004	Nam	K67_TKNT	130	7,86	3,35	3,35	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
VIII	Ngành Thú y: 60 Sv													
1	187640101097	Lý Minh Luân	12/02/2000	Nam	K63B_THUY	144	6,68	2,56	2,56	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
2	197640101021	Võ Thị Hương Giang	11/01/2001	Nữ	K64A_THUY	139	7,14	2,80	2,80	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
3	207640101080	Phạm Hữu Minh Tâm	19/11/2002	Nam	K65A_THUY	151	6,90	2,74	2,74	Đạt	Đạt	Khá	Bác sĩ	
4	207620105004	Nguyễn Trọng Kiên	20/05/2002	Nam	K65B_THUY	151	6,42	2,44	2,44	Đạt	Đạt	Trung bình	Bác sĩ	
5	207620105003	Phan Minh Tân	15/08/2002	Nam	K66A_THUY	151	6,73	2,61	2,61	Đạt	Đạt	Khá	Bác sĩ	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Khối kiến thức ngành				Khối kiến thức CDR		Hạng tốt nghiệp	Văn bằng TN	Ghi chú
						Số TCTL	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	Điểm XLTN	Tin học	Tiếng Anh			
6	217640101005	Nguyễn Đăng Cơ	01/04/2003	Nam	K66A_THUY	151	6,95	2,74	2,74	Đạt	Đạt	Khá	Bác sĩ	
7	217640101016	Hồ Lê Tấn Hiếu	17/04/2003	Nam	K66A_THUY	151	6,87	2,67	2,67	Đạt	Đạt	Khá	Bác sĩ	
8	217640101017	Nguyễn Đức Hoàng	18/04/2003	Nam	K66A_THUY	151	7,03	2,78	2,78	Đạt	Đạt	Khá	Bác sĩ	
9	217640101032	Võ Thị Kim Ngọc	29/10/2002	Nữ	K66A_THUY	151	6,36	2,29	2,29	Đạt	Đạt	Trung bình	Bác sĩ	
10	217640101037	Nguyễn Chiến Thắng	25/06/2003	Nam	K66A_THUY	151	6,55	2,49	2,49	Đạt	Đạt	Trung bình	Bác sĩ	
11	217640101039	Nguyễn Thị Xuân Thành	30/03/2003	Nữ	K66A_THUY	151	7,38	3,01	3,01	Đạt	Đạt	Khá	Bác sĩ	
12	217640101044	Bê Thanh Thùy	08/12/2003	Nữ	K66A_THUY	151	7,20	2,91	2,91	Đạt	Đạt	Khá	Bác sĩ	
13	217640101050	Huỳnh Thị Thu Trang	03/09/2003	Nữ	K66A_THUY	151	6,89	2,69	2,69	Đạt	Đạt	Khá	Bác sĩ	
14	217640101051	Nguyễn Thanh Trọng	28/05/2002	Nam	K66A_THUY	151	6,86	2,64	2,64	Đạt	Đạt	Khá	Bác sĩ	
15	217640101056	Nguyễn Hùng Vĩ	18/07/2003	Nam	K66A_THUY	151	6,53	2,44	2,44	Đạt	Đạt	Trung bình	Bác sĩ	
16	217640101065	Vũ Mạnh Dũng	19/03/2000	Nam	K66A_THUY	151	6,85	2,66	2,66	Đạt	Đạt	Khá	Bác sĩ	
17	217640101068	Đặng Phan Thành Nhân	28/06/2003	Nam	K66A_THUY	151	6,62	2,51	2,51	Đạt	Đạt	Khá	Bác sĩ	
18	217640101074	Phạm Thị Quế Trân	13/06/2003	Nữ	K66A_THUY	151	7,21	2,91	2,91	Đạt	Đạt	Khá	Bác sĩ	
19	217640101084	Phan Lâm Thùy Vân	17/11/2003	Nữ	K66A_THUY	151	7,79	3,24	3,24	Đạt	Đạt	Giỏi	Bác sĩ	
20	217640101093	Nguyễn Nhật Hào	05/03/2003	Nam	K66A_THUY	151	8,42	3,66	3,66	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Bác sĩ	
21	217640101004	Trần Thanh Cao	11/11/2003	Nam	K66B_THUY	151	6,73	2,62	2,62	Đạt	Đạt	Khá	Bác sĩ	
22	217640101010	Hoàng Thùy Dương	06/01/2003	Nữ	K66B_THUY	151	6,95	2,73	2,73	Đạt	Đạt	Khá	Bác sĩ	
23	217640101015	Nguyễn Ngọc Hậu	24/02/2003	Nam	K66B_THUY	151	6,63	2,53	2,53	Đạt	Đạt	Khá	Bác sĩ	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Khối kiến thức ngành				Khối kiến thức CDR		Hạng tốt nghiệp	Văn bằng TN	Ghi chú
						Số TCTL	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	Điểm XLTN	Tin học	Tiếng Anh			
24	217640101038	Trần Quang Thanh	12/03/2003	Nam	K66B_THUY	151	6,54	2,47	2,47	Đạt	Đạt	Trung bình	Bác sĩ	
25	217640101069	Nguyễn Thanh Tuấn	16/08/2003	Nam	K66B_THUY	151	6,69	2,59	2,59	Đạt	Đạt	Khá	Bác sĩ	
26	217640101085	Hà Thị Liên	30/09/2002	Nữ	K66B_THUY	151	8,05	3,45	3,45	Đạt	Đạt	Giỏi	Bác sĩ	
27	217640101091	Trương Ngọc Ánh	07/11/2003	Nữ	K66B_THUY	151	6,37	2,36	2,36	Đạt	Đạt	Trung bình	Bác sĩ	
28	207640101052	Chu Văn Tép	11/02/2002	Nam	K66B_THUY	151	6,68	2,65	2,65	Đạt	Đạt	Khá	Bác sĩ	
29	227640101005	Diệp Nguyễn Duy Bảo	13/07/1999	Nam	K67A_THUY	151	8,37	3,62	3,62	Đạt	Đạt	Xuất sắc	Bác sĩ	
30	227640101096	Trần Vũ Hạ Long	05/12/1998	Nam	K67B_THUY	156	7,38	3,04	3,04	Đạt	Đạt	Khá	Bác sĩ	
31	23B640101024	Trần Thanh Tùng	24/11/1997	Nam	K68A3_LT_TY_CQ	157	6,93	2,68	2,68	Đạt	Đạt	Khá	Bác sĩ	
32	23B640101002	Phạm Tuấn Giang	06/08/1985	Nam	K68A3_LT_TY_CQ	151	7,28	2,98	2,98	Đạt	Đạt	Khá	Bác sĩ	
33	23B640101003	Nguyễn Thanh Nhân	05/05/1994	Nam	K68A3_LT_TY_CQ	151	7,64	3,18	3,18	Đạt	Đạt	Khá	Bác sĩ	
34	23B640101006	Ngô Quang Huy	19/06/2000	Nam	K68A3_LT_TY_CQ	151	7,09	2,84	2,84	Đạt	Đạt	Khá	Bác sĩ	
35	23B640101009	Võ Văn Hoàng	08/08/1997	Nam	K68A3_LT_TY_CQ	151	7,54	3,16	3,16	Đạt	Đạt	Khá	Bác sĩ	
36	23B640101010	Nguyễn Thị Trúc Đào	06/01/1993	Nữ	K68A3_LT_TY_CQ	152	7,90	3,39	3,39	Đạt	Đạt	Giỏi	Bác sĩ	
37	23B640101011	Vũ Văn Đạt	18/11/1996	Nam	K68A3_LT_TY_CQ	157	7,07	2,84	2,84	Đạt	Đạt	Khá	Bác sĩ	
38	23B640101012	Huỳnh Trung Nhi	19/10/1996	Nam	K68A3_LT_TY_CQ	157	7,60	3,18	3,18	Đạt	Đạt	Khá	Bác sĩ	
39	23B640101013	Nguyễn Thị Hoàng Uyên	25/05/1998	Nữ	K68A3_LT_TY_CQ	151	7,91	3,32	3,32	Đạt	Đạt	Giỏi	Bác sĩ	
40	23B640101014	Hồ Thị Ngọc Hương	24/01/1991	Nữ	K68A3_LT_TY_CQ	153	7,82	3,25	3,25	Đạt	Đạt	Giỏi	Bác sĩ	
41	23B640101016	Vũ Anh Minh	26/07/1989	Nam	K68A3_LT_TY_CQ	151	8,08	3,42	3,42	Đạt	Đạt	Giỏi	Bác sĩ	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Khối kiến thức ngành				Khối kiến thức CDR		Hạng tốt nghiệp	Văn bằng TN	Ghi chú
						Số TCTL	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	Điểm XLTN	Tin học	Tiếng Anh			
42	23B640101018	Trần Anh Hoài	19/07/1995	Nam	K68A3_LT_TY_CQ	151	7,69	3,22	3,22	Đạt	Đạt	Giỏi	Bác sĩ	
43	23B640101019	Đinh Kiều Hạnh	16/09/1991	Nữ	K68A3_LT_TY_CQ	151	8,11	3,49	3,49	Đạt	Đạt	Giỏi	Bác sĩ	
44	23B640101022	Kiều Quốc Thịnh	24/02/2000	Nam	K68A3_LT_TY_CQ	157	6,89	2,70	2,70	Đạt	Đạt	Khá	Bác sĩ	
45	23B640101027	Lưu Quang Nam	22/11/1994	Nam	K68A3_LT_TY_CQ	151	7,54	3,13	3,13	Đạt	Đạt	Khá	Bác sĩ	
46	23B640101029	Đỗ Lương Cường	02/02/1990	Nam	K68A3_LT_TY_CQ	153	7,70	3,24	3,24	Đạt	Đạt	Giỏi	Bác sĩ	
47	23B640101030	Đào Nguyên Văn	04/10/1988	Nam	K68A3_LT_TY_CQ	151	7,29	2,96	2,96	Đạt	Đạt	Khá	Bác sĩ	
48	23B640101031	Nguyễn Thị Thùy Dung	20/10/1996	Nữ	K68A3_LT_TY_CQ	151	7,50	3,06	3,06	Đạt	Đạt	Khá	Bác sĩ	
49	23B640101032	Huỳnh Ngọc Duy	25/05/1996	Nam	K68A3_LT_TY_CQ	153	7,56	3,13	3,13	Đạt	Đạt	Khá	Bác sĩ	
50	23B640101034	Phạm Thùy Lan Anh	24/1/1995	Nữ	K68A3_LT_TY_CQ	151	7,75	3,29	3,29	Đạt	Đạt	Giỏi	Bác sĩ	
51	23B640101035	Võ Thị Lâm Nhi	13/08/2002	Nữ	K68A3_LT_TY_CQ	155	7,31	3,01	3,01	Đạt	Đạt	Khá	Bác sĩ	
52	23B640101036	Võ Công Nga	18/03/1996	Nam	K68A3_LT_TY_CQ	151	7,52	3,10	3,10	Đạt	Đạt	Khá	Bác sĩ	
53	23B640101038	Trần Tuấn Hiếu	14/08/2000	Nam	K68A3_LT_TY_CQ	151	7,45	3,05	3,05	Đạt	Đạt	Khá	Bác sĩ	
54	23B640101039	Nguyễn Văn Sỹ	01/06/1990	Nam	K68A3_LT_TY_CQ	153	7,78	3,28	3,28	Đạt	Đạt	Giỏi	Bác sĩ	
55	23B640101043	Phạm Thị Phương Anh	25/10/1998	Nữ	K68A3_LT_TY_CQ	151	7,65	3,19	3,19	Đạt	Đạt	Khá	Bác sĩ	
56	23B640101045	Nguyễn Thị Thu Vinh	28/07/1997	Nữ	K68A3_LT_TY_CQ	151	7,77	3,26	3,26	Đạt	Đạt	Giỏi	Bác sĩ	
57	23B640101046	Nguyễn Thị Thúy Hiền	30/11/1991	Nữ	K68A3_LT_TY_CQ	151	7,70	3,23	3,23	Đạt	Đạt	Giỏi	Bác sĩ	
58	23B640101049	Trần Trọng Bảo	04/02/2002	Nam	K68A3_LT_TY_CQ	151	7,22	2,95	2,95	Đạt	Đạt	Khá	Bác sĩ	
59	23B640101050	Nguyễn Văn Tuấn	09/02/1998	Nam	K68A3_LT_TY_CQ	151	7,17	2,87	2,87	Đạt	Đạt	Khá	Bác sĩ	
60	23B640101052	Trần Thị Thanh Thảo	22/02/1994	Nữ	K68A3_LT_TY_CQ	151	7,86	3,32	3,32	Đạt	Đạt	Giỏi	Bác sĩ	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Khối kiến thức ngành				Khối kiến thức CDR		Hạng tốt nghiệp	Văn bằng TN	Ghi chú
						Số TCTL	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	Điểm XLTN	Tin học	Tiếng Anh			
C	Phân hiệu tại tỉnh Gia Lai: 26 Sv													
1	Ngành Bảo vệ thực vật: 05 Sv													
1	2170112002	Rơ Mah H' Hăng	16/01/2003	Nữ	K66-BVTV	158	6,76	2,59	2,59	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
2	2170112004	Nguyễn Quang Hiếu	30/04/2003	Nam	K66-BVTV	158	7,41	3,07	3,07	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
3	2170112006	Trần Văn Nguyễn	18/07/2003	Nam	K66-BVTV	158	7,20	2,90	2,90	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
4	2170112008	Huỳnh Nguyễn Gia Thịnh	11/03/2003	Nam	K66-BVTV	158	7,11	2,84	2,84	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
5	2170112009	Nay Phai	07/10/2001	Nam	K66-BVTV	158	6,46	2,42	2,42	Đạt	Đạt	Trung bình	Kỹ sư	
II	Ngành Kế toán: 03 Sv													
1	2271301109	Nguyễn Hồng Sơn	10/06/1992	Nam	K67_LT&VB2_KT	131	7,99	3,38	3,38	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
2	2270301004	Nguyễn Thị Thùy Dương	05/07/1999	Nữ	KT K67	131	7,90	3,37	3,37	Đạt	Đạt	Giỏi	Cử nhân	
3	2270301022	Siu Xin	03/07/2004	Nữ	KT K67	131	7,09	2,80	2,80	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
III	Ngành Khoa học cây trồng: 11 Sv													
1	2043130638	Hoàng Thanh Dương	22/02/2000	Nam	K65-KHCT	155	7,18	2,87	2,87	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
2	2170110021	Lê Công Bắc	10/12/1994	Nam	K66-KHCT	155	6,56	2,48	2,48	Đạt	Đạt	Trung bình	Kỹ sư	
3	2170110026	Rơ Châm Mại	13/12/2003	Nam	K66-KHCT	155	6,69	2,56	2,56	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
4	2170110027	Ksor Mao	07/09/2001	Nam	K66-KHCT	155	6,55	2,46	2,46	Đạt	Đạt	Trung bình	Kỹ sư	
5	2170110028	Puih Mến	13/02/2003	Nam	K66-KHCT	155	7,11	2,84	2,84	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
6	2170110029	Rơ Châm Ngân	23/09/2003	Nam	K66-KHCT	155	6,74	2,57	2,57	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Khối kiến thức ngành				Khối kiến thức CDR		Hạng tốt nghiệp	Văn bằng TN	Ghi chú
						Số TCTL	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	Điểm XLTN	Tin học	Tiếng Anh			
7	2170110031	Đặng Minh Phương	24/11/2002	Nam	K66-KHCT	155	6,88	2,65	2,65	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
8	2170110035	Uy	08/06/2003	Nữ	K66-KHCT	155	7,38	2,96	2,96	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
9	2170110036	Phan Ngọc Văn Vĩ	06/10/2003	Nam	K66-KHCT	155	7,23	2,93	2,93	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
10	2271110116	Rơ Ô Đông	02/09/1982	Nam	K67_LT&VB2_KHCT	125	6,59	2,49	2,49	Đạt	Đạt	Trung bình	Cử nhân	
11	2270110033	Đồng Thị Thu Hiền	03/11/2002	Nữ	K67-KHCT	155	7,80	3,28	3,28	Đạt	Đạt	Giỏi	Kỹ sư	
IV	Ngành Lâm sinh: 02 Sv													
1	21702050173	Lê Đình Quang	30/12/1993	Nam	K66_LT&VB2_LS	160	6,84	2,64	2,64	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
2	2271205038	Hồ Văn Chàm	01/10/1986	Nam	K67_LT&VB2_LS	156	7,27	2,95	2,95	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
V	Ngành Quản lý đất đai: 03 Sv													
1	2271103058	Trần Viết Hùng	01/05/1997	Nam	K67_LT&VB2_QLDD	155	6,96	2,75	2,75	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
2	2271103125	Đào Duy Thắng	08/09/1991	Nam	K67_LT&VB2_QLDD	155	7,11	2,83	2,83	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
3	2271103126	Nguyễn Thị Bảo Nhi	10/10/2000	Nữ	K67_LT&VB2_QLDD	158	7,30	2,96	2,96	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
VI	Ngành Quản trị kinh doanh: 02 Sv													
1	2270101008	Tạ Quang Huy	26/08/2003	Nam	QTKD K67	131	7,20	2,89	2,89	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	
2	2270301027	Lê Thị Như Quỳnh	13/05/2004	Nữ	QTKD K67	131	6,95	2,71	2,71	Đạt	Đạt	Khá	Cử nhân	

Tổng số sinh viên có tên trong danh sách: 464 sinh viên./.

PHỤ LỤC II

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP VĂN BẰNG TỐT NGHIỆP TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC,
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC (ĐỢT 2 THÁNG 7 NĂM 2026)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLN ngày 29 tháng 7 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp)

STT	Mã SV	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Khối kiến thức ngành			Khối kiến thức CĐR		Hạng tốt nghiệp	Văn bằng TN	Ghi chú
						Số TCTL	Điểm hệ 4	Điểm XLTN	Tin học	Tiếng Anh			
A	Cơ sở chính: 27 Sv												
I	Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử: 27 Sv												
1	23680995	Nguyễn Bình Biên	25/07/1993	Nam	K68_LT_CNKTCĐT_VLVH	153	3,37	3,37	Đạt	Đạt	Giỏi	Kỹ sư	
2	23680997	Phạm Minh Hào	22/07/2001	Nam	K68_LT_CNKTCĐT_VLVH	155	3,32	3,32	Đạt	Đạt	Giỏi	Kỹ sư	
3	23681000	Mai Thị Huyền	08/10/1998	Nữ	K68_LT_CNKTCĐT_VLVH	153	3,24	3,24	Đạt	Đạt	Giỏi	Kỹ sư	
4	23680988	Đỗ Văn Trường	04/10/2004	Nam	K68_LT_CNKTCĐT_VLVH	151	3,27	3,27	Đạt	Đạt	Giỏi	Kỹ sư	
5	23681006	Nguyễn Thường Long	24/08/1992	Nam	K68_LT_CNKTCĐT_VLVH	154	3,32	3,32	Đạt	Đạt	Giỏi	Kỹ sư	
6	23681011	Nguyễn Văn Nghiêm	01/08/1995	Nam	K68_LT_CNKTCĐT_VLVH	151	3,39	3,39	Đạt	Đạt	Giỏi	Kỹ sư	
7	23681007	Nguyễn Đức Thọ	10/12/1983	Nam	K68_LT_CNKTCĐT_VLVH	152	3,38	3,38	Đạt	Đạt	Giỏi	Kỹ sư	
8	23681009	Nguyễn Trọng Tuấn	06/06/2001	Nam	K68_LT_CNKTCĐT_VLVH	153	3,21	3,21	Đạt	Đạt	Giỏi	Kỹ sư	
9	23681010	Nguyễn Đình Vĩnh	03/07/1995	Nam	K68_LT_CNKTCĐT_VLVH	151	3,21	3,21	Đạt	Đạt	Giỏi	Kỹ sư	
10	23680996	Nguyễn Tiến Dũng	30/01/1998	Nam	K68_LT_CNKTCĐT_VLVH	151	3,20	3,20	Đạt	Đạt	Giỏi	Kỹ sư	
11	23681014	Trần Huy Hoàng	22/12/1992	Nam	K68_LT_CNKTCĐT_VLVH	152	3,21	3,21	Đạt	Đạt	Giỏi	Kỹ sư	
12	23681012	Nguyễn Văn Khải	27/12/1997	Nam	K68_LT_CNKTCĐT_VLVH	154	3,04	3,04	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
13	23681018	Ngô Quốc Toàn	04/08/1993	Nam	K68_LT_CNKTCĐT_VLVH	151	3,11	3,11	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
14	23681016	Nguyễn Quốc Tú	12/08/2004	Nam	K68_LT_CNKTCĐT_VLVH	152	3,12	3,12	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	

STT	Mã SV	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Khối kiến thức ngành			Khối kiến thức CĐR		Hạng tốt nghiệp	Văn bằng TN	Ghi chú
						Số TCTL	Điểm hệ 4	Điểm XLTN	Tin học	Tiếng Anh			
15	23680999	Trần Trọng Hường	10/05/1997	Nam	K68_LT_CNKTCĐT_VLVH	154	2,87	2,87	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
16	23681019	Lê Hoàng Sơn	14/03/1998	Nam	K68_LT_CNKTCĐT_VLVH	151	2,94	2,94	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
17	23681003	Phuong Hữu Đàm	04/11/1995	Nam	K68_LT_CNKTCĐT_VLVH	151	3,04	3,04	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
18	23681013	Trần Văn Hoàng	10/02/1992	Nam	K68_LT_CNKTCĐT_VLVH	154	3,04	3,04	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
19	23681015	Đỗ Khắc Quân	10/11/2004	Nam	K68_LT_CNKTCĐT_VLVH	152	2,98	2,98	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
20	23681008	Trần Xuân Vui	20/09/1988	Nam	K68_LT_CNKTCĐT_VLVH	151	3,17	3,17	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
21	23681001	Nguyễn Văn Khuê	22/01/1993	Nam	K68_LT_CNKTCĐT_VLVH	154	3,12	3,12	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
22	23680989	Đàm Văn Nghiêm	04/11/2004	Nam	K68_LT_CNKTCĐT_VLVH	151	2,90	2,90	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
23	23680993	Trần Ngọc Nghiệp	20/11/1994	Nam	K68_LT_CNKTCĐT_VLVH	153	2,94	2,94	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
24	23680992	Dương Văn Phong	24/11/1995	Nam	K68_LT_CNKTCĐT_VLVH	153	3,16	3,16	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
25	249A1368	Dương Việt Anh	24/10/2002	Nam	K68_LT_CNKTCĐT_VLVH	158	3,28	3,28	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	Hạ bậc XLTN
26	2375102030090	Lục Viết Huy	13/08/2000	Nam	K68_LT_CNKTCĐT_VLVH	156	2,70	2,70	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
27	249A1366	Phạm Hoàng Phi	03/08/1999	Nam	K68_LT_CNKTCĐT_VLVH	152	3,18	3,18	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
B	Phân hiệu tại tỉnh Gia Lai: 24 Sv												
I	Ngành Lâm sinh: 24 Sv												
1	2272205006	Vũ Trọng Lân	02/08/1988	Nam	K67_LT&VB2_LS_VLVH	154	3,32	3,32	Đạt	Đạt	Giỏi	Kỹ sư	
2	2272205012	Nguyễn Thị Thiệp	18/09/1990	Nữ	K67_LT&VB2_LS_VLVH	156	3,44	3,44	Đạt	Đạt	Giỏi	Kỹ sư	
3	2272205001	A Thảo	20/08/1993	Nam	K67_LT&VB2_LS_VLVH	154	2,96	2,96	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
4	2272205002	Phạm Thị Kiều	19/06/1990	Nữ	K67_LT&VB2_LS_VLVH	154	3,17	3,17	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
5	2272205003	A Nguyễn Ngọc Thiệt	08/03/1995	Nam	K67_LT&VB2_LS_VLVH	154	2,96	2,96	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	

STT	Mã SV	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Khối kiến thức ngành			Khối kiến thức CDR		Hạng tốt nghiệp	Văn bằng TN	Ghi chú
						Số TCTL	Điểm hệ 4	Điểm XLTN	Tin học	Tiếng Anh			
6	2272205007	Nguyễn Bá Bảo Toàn	28/08/1987	Nam	K67_LT&VB2_LS_VLVH	154	3,01	3,01	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
7	2272205008	Ngô Tuấn Anh	01/03/1994	Nam	K67_LT&VB2_LS_VLVH	154	2,91	2,91	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
8	2272205010	Nguyễn Thị Hoi	03/03/1995	Nữ	K67_LT&VB2_LS_VLVH	154	3,16	3,16	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
9	2272205011	Nguyễn Thành Công	12/07/1989	Nam	K67_LT&VB2_LS_VLVH	154	3,12	3,12	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
10	2272205014	A Đẩu	03/03/1988	Nam	K67_LT&VB2_LS_VLVH	154	2,83	2,83	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
11	2272205015	A Thôn	07/09/1992	Nam	K67_LT&VB2_LS_VLVH	154	2,82	2,82	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
12	2372205014	Nguyễn Minh Đức	12/08/1997	Nam	K68_LT&VB2_LS_VLVH	156	2,82	2,82	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
13	2372205015	Nguyễn Văn Nam	27/10/1989	Nam	K68_LT&VB2_LS_VLVH	156	2,90	2,90	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
14	2372205102	Nguyễn Anh Tuấn	02/12/1981	Nam	K68_LT&VB2_LS_VLVH	152	3,11	3,11	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
15	2372205103	Nguyễn Lợi	20/10/1984	Nam	K68_LT&VB2_LS_VLVH	152	3,05	3,05	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
16	2372205104	Mông Văn Duẩn	25/11/1984	Nam	K68_LT&VB2_LS_VLVH	154	2,87	2,87	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
17	2372205105	Nguyễn Văn Thiết	23/08/1991	Nam	K68_LT&VB2_LS_VLVH	156	2,96	2,96	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
18	2372205106	Cao Thành Việt	02/05/1985	Nam	K68_LT&VB2_LS_VLVH	156	2,71	2,71	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
19	2372205107	A Chanh	13/10/1993	Nam	K68_LT&VB2_LS_VLVH	152	2,98	2,98	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
20	2372205108	Lê Đình Tuyển	08/07/1994	Nam	K68_LT&VB2_LS_VLVH	156	2,83	2,83	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
21	2372205109	Lê Trọng Tấn	01/11/1990	Nam	K68_LT&VB2_LS_VLVH	154	3,19	3,19	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
22	2372205110	A Hức	05/06/1987	Nam	K68_LT&VB2_LS_VLVH	152	2,78	2,78	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
23	2372205111	Y Mai	12/03/1996	Nữ	K68_LT&VB2_LS_VLVH	152	2,99	2,99	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	
24	2372205112	A Quang	13/02/1994	Nam	K68_LT&VB2_LS_VLVH	152	2,80	2,80	Đạt	Đạt	Khá	Kỹ sư	

Tổng số sinh viên có tên trong danh sách: 51 sinh viên